

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI LẠI HÈ 2025

MÔN: LỊCH SỬ LỚP 11

NỘI DUNG 1

CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ (CUỐI THẾ KỈ XIV ĐẦU THẾ KỈ XVI)

NỘI DUNG 2

CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

NỘI DUNG 3

CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

NỘI DUNG 4

VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

BÀI 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Nhằm tăng cường sức mạnh quân sự để đối phó với cuộc xâm lược của nhà Minh cuối thế kỉ XIV, Hồ Quý Ly đã tiến hành

- A. cải cách văn hoá, xã hội, giáo dục. B. xây dựng toà thành Tây Đô kiên cố.
C. buộc vua Trần nhường ngôi cho mình. D. ban hành chính sách hạn điền, hạn nô.

Câu 2. Nửa sau thế kỉ XIV, cuộc khởi nghĩa nông dân nào sau đây đã diễn chống lại nhà Trần?

- A. Khởi nghĩa Ngô Bệ (Hải Dương). B. Khởi nghĩa Phan Bá Vành (Thái Bình).
C. Khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang). D. Khởi nghĩa Lam Sơn (Thanh Hoá).

Câu 3. Năm 1400, Hồ Quý Ly buộc vua Trần nhường ngôi và lập ra triều đại

- A. nhà Lê sơ. B. nhà Nguyễn. C. nhà Hồ. D. nhà Lý.

Câu 4. Sau khi lên ngôi và lập ra nhà Hồ, Hồ Quý Ly đã tiếp tục

- A. tổ chức kháng chiến chống quân Xiêm. B. tổ chức kháng chiến chống quân Thanh
C. mở rộng lãnh thổ về phía Nam. D. tiến hành cuộc cải cách sâu rộng.

Câu 5. Công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều đại nhà Hồ **không** bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

- A. Văn hoá - giáo dục. B. Chính trị - quân sự. C. Kinh tế - xã hội. D. Thể thao - du lịch.

Câu 6. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Nước Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
B. Nhà Trần đang trong giai đoạn phát triển thịnh đạt.
C. Giặc Tống sang xâm lược nước ta lần thứ nhất.
D. Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển đỉnh cao.

Câu 7. Về kinh tế - xã hội, nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất lớn trong các điền trang, thái ấp của quý tộc, Hồ Quý Ly đã

- A. cho phát hành tiền giấy. B. ban hành chính sách hạn điền.
C. cải cách chế độ giáo dục. D. thống nhất đơn vị đo lường.

Câu 8. Trong cải cách của Hồ Quý Ly, việc quy định số lượng gia nô được sở hữu của các vương hầu, quý tộc, quan lại được gọi là

- A. phép hạn gia nô. B. chính sách hạn điền. C. chính sách quân điền. D. bình quân gia nô.

Câu 9. Xây dựng nhiều thành lũy kiên cố, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

- A. kinh tế. B. văn hoá. C. quân sự. D. xã hội.

Câu 10. Hạn chế sự phát triển của Phật giáo, chấn chỉnh lại chế độ thi cử, đề cao chữ Nôm là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

- A. kinh tế, xã hội. B. văn hoá, giáo dục. C. chính trị, quân sự. D. hành chính, pháp luật.

Câu 11. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đề cao tư tưởng, tôn giáo nào sau đây?

- A. Phật giáo. B. Đạo giáo. C. Nho giáo. D. Thiên chúa giáo.

Câu 12. Trong cải cách về văn hoá, Hồ Quý Ly khuyến khích và đề cao chữ viết nào sau đây?

- A. Chữ Nôm. B. Chữ Hán. C. Chữ Latinh. D. Chữ Quốc ngữ.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của triều đại nhà Trần ở nửa sau thế kỉ XIV?

- A. Đất nước bị quân Minh xâm lược, đô hộ và bóc lột về kinh tế
B. Nhà nước không quan tâm sản xuất, quan lại ăn chơi hưởng lạc.
C. Chiến tranh giữa các phe phái quyền lực đối lập diễn ra liên miên
D. Nhà Trần tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược tốn kém.

Câu 14. Về kinh tế - xã hội, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly **không** đề cập đến nội dung nào sau đây?

- A. Ban hành tiền giấy thay thế tiền đồng. B. Hạn chế sở hữu ruộng tư của quý tộc.
C. Thống nhất đơn vị đo lường cả nước. D. Chế tạo vũ khí, đóng thuyền chiến.

Câu 15. Về văn hóa - giáo dục, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly **không** đề cập đến nội dung nào sau đây?

- A. Bắt tất cả các nhà sư phải hoàn tục. B. Chú trọng việc tổ chức các kì thi.
C. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm. D. Mở trường học ở các lộ, phủ, châu.

Câu 16. Để tăng cường khả năng bảo vệ đất nước, Hồ Quý Ly đã thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Gả các công chúa cho các tù trưởng miền núi. B. Thi hành chính sách thần phục nhà Minh.
C. Tăng cường lực lượng quân đội chính quy. D. Quan hệ hoà hiếu với Chăm-pa, Chân Lạp.

Câu 17. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc cải cách Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực đất nước
B. Là cuộc cải cách triệt để giúp đất nước vượt qua khủng hoảng.
C. Góp phần xây dựng nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc.
D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về việc trị nước.

Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Góp phần nâng cao tiềm lực quốc phòng. B. Giúp nông dân có thêm ruộng đất để sản xuất.
C. Văn hoá dân tộc, nhất là chữ Nôm được đề cao. D. Giữ vững nền độc lập dài lâu cho dân tộc.

Câu 19: Tình trạng nào sau đây thể hiện sự suy yếu về chính trị của nhà Trần nửa sau thế kỉ XIV?

- A. Tầng lớp quý tộc suy thoái, xuất hiện các cuộc khởi nghĩa của nô lệ

- B. Chính quyền địa phương khủng hoảng; hạn hán, mất mùa diễn ra thường xuyên
- C. Quan hệ với Chăm – pa và nhà Minh căng thẳng, mất mùa diễn ra thường xuyên
- D. Triều chính bị gian thần lũng đoạn, việc nước không còn được quan tâm

Câu 20: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và nhà Hồ được tiến hành

- A. từ những năm 80 của thế kỉ XIV đến trước khi quân Minh xâm lược
- B. từ những năm 70 của thế kỉ XIV đến trước khi quân Minh xâm lược
- C. từ khi Hồ Quý Ly trở thành một đại thần đến khi ông qua đời
- D. từ khi Hồ Quý Ly lên làm vua đến trước khi quân Minh xâm lược

Câu 21: Trong phương thức tuyển chọn quan lại, Hồ Quý Ly và nhà Hồ tăng cường

- A. mở các khoa thi
- B. bổ sung tầng lớp quý tộc
- C. Thải hồi những người già yếu
- D. Bổ sung những người khỏe mạnh

Câu 22: Hồ Quý Ly đã thực hiện chính sách nào sau đây trong lĩnh vực sở hữu ruộng đất?

- A. Giảm thiểu sở hữu ruộng đất quy mô lớn của quý tộc
- B. Tăng cường sở hữu ruộng đất quy mô lớn của quan lại
- C. Hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân
- D. Khuyến khích sở hữu ruộng đất của địa chủ và tư nhân

Câu 23: Trong lĩnh vực văn hóa, Hồ Quý Ly và nhà Hồ đã

- A. đề cao Nho giáo, hạn chế Phật giáo và Đạo giáo
- B. Chủ trọng Nho giáo và Phật giáo, hạn chế Đạo giáo
- C. Khuyến khích Phật giáo, hạn chế Nho giáo
- D. Hạn chế Nho giáo và Phật giáo, đề cao Đạo giáo

Câu 24: Về mặt chính trị, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly đã đưa đến

- A. sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ phong kiến
- B. sự hình thành của chế độ quân chủ chuyên chế theo đường lối nhân trị
- C. sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối pháp trị
- D. sự phát triển đỉnh cao của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối pháp trị

Câu 25: Nội dung nào sau đây trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly diễn ra trên lĩnh vực kinh tế?

- A. In và phát hành tiền giấy.
- B. Đặt thêm các đơn vị hành chính.
- C. Ban hành hình luật mới.
- D. Thải hồi những binh sĩ già yếu.

Câu 26: Một trong những công trình kiến trúc cuối thế kỉ XIV bằng đá độc đáo bậc nhất của Việt Nam và thế giới, được UNESCO ghi danh là

- A. Luỹ Trường Dục.
- B. Luỹ Bán Bích.
- C. Thành Nhà Hồ.
- D. Kinh thành Huế.

Câu 27: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Kinh tế phát triển, đất nước thái bình, thịnh trị.
- B. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
- C. Kinh tế trì trệ, nạn mất mùa xảy ra liên tiếp.
- D. Các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi.

Câu 28: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Nhà Trần lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu trên nhiều lĩnh vực.
- B. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh bùng lên ở khắp mọi nơi.

- C. Đất nước độc lập, tự chủ, kinh tế phát triển hơn so với giai đoạn trước
- D. Đất nước có nhiều biến động song nền kinh tế vẫn tiếp tục phát triển.

Câu 29. Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về chính trị của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Hạn chế gia nô, chủ gia nô chỉ được có một số nô tì nhất định
- B. Hạn chế sự phát triển thái quá của Phật giáo và Đạo giáo.
- C. Xóa bỏ tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất.
- D. Thành lập nhiều cơ quan, đặt ra nhiều chức quan mới.

Câu 30. Năm 1400, Hồ Quý Ly buộc vua Trần nhường ngôi và lập ra triều đại

- A. Lê sơ.
- B. Nguyễn.
- C. Hồ.
- D. Lý.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 30: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Tiền giấy chẳng qua chỉ là mảnh giấy vuông, phí tổn chỉ đáng năm ba đồng tiền, mà đem đổi lấy vật đáng 5 - 6 trăm đồng của người ta, cố nhiên không phải là cái đạo đúng mức. Và lại, người có tiền giấy cất giữ cũng dễ rách nát, mà kẻ làm giả mạo sinh ra không cùng, thực không phải là cách bình ổn vật giá mà lưu thông của cải của dân vậy. Quý Ly không xem xét kĩ đến cái gốc lợi hại, chỉ ham chuộng hư danh sáng chế, để cho tiền của hàng hoá thường vẫn lưu thông tức là sinh ra ứ đọng, khiến dân nghe thấy đã sợ, thêm mối xôn xao, thế có phải là chế độ bình trị đâu”.

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.112)

- a. Tiền giấy “Thông bảo hội” mà Hồ Quý Ly ban hành dễ bị làm giả và khó cất giữ
- b. Việc sử dụng tiền giấy thay tiền đồng không ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hàng hóa lúc bấy giờ
- c. Đoạn trích phê phán việc thay tiền đồng bằng tiền giấy của Hồ Quý Ly
- d. Một trong những nhược điểm của việc sử dụng tiền giấy lúc bấy giờ là dễ bị làm giả

Câu 31: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Về văn hoá, tư tưởng, cải cách của Hồ Quý Ly thể hiện tinh thần phát huy văn hoá dân tộc, đề cao chữ Quốc ngữ (chữ Nôm), đồng thời bài bác tư tưởng các thánh hiền Trung Quốc mà gần như toàn thế giới nho sĩ bấy giờ vẫn coi là bất khả xâm phạm. Về giáo dục, nội dung cải cách thể hiện tinh thần yêu nước, tính đại chúng và gắn bó với cuộc sống.

(Phan Đăng Thanh - Trương Thị Hoà, *Cải cách Hồ Quý Ly*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2012, tr.156)

- a. Đoạn trích đề cập đến cải cách của Hồ Quý Ly trên tất cả mọi lĩnh vực
- b. Cải cách về văn hóa, tư tưởng của Hồ Quý Ly thể hiện nhiều điểm tích cực, tiến bộ
- c. Về chữ viết, Hồ Quý Ly đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Hán, đồng thời vẫn cho phép người dân được sử dụng chữ Nôm trong sáng tác thơ văn
- d. Một trong những ưu điểm trong cải cách của Hồ Quý Ly là nội dung giáo dục thể hiện tinh thần yêu nước, mang tính quần chúng sâu sắc

Câu 32: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Năm 1397, tháng 6, xuống chiếu hạn chế danh điền (ruộng tư). Đại vương và trưởng công chúa thì số ruộng không hạn chế; đến thứ dân thì số ruộng là 10 mẫu. Người nào có nhiều nếu có tội, thì cho tùy ý được lấy ruộng để chuộc tội, bị biếm chức hay mất chức cũng được làm như vậy. Số ruộng thừa phải hiến cho nhà nước.”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.291, 293)

- a. Chính sách hạn điền của Hồ Quý Ly đã hạn chế sự phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất
- b. Chính sách hạn điền được áp dụng với tất cả mọi đối tượng trong xã hội, kể cả Đại vương
- c. Chính sách hạn điền chắc chắn sẽ vấp phải sự chống cự của quý tộc Trần và một bộ phận nông dân có ruộng tư
- d. Với chính sách hạn điền, tùy theo chức vụ và cấp bậc, số lượng ruộng đất sở hữu của tư nhân sẽ ít dần đi

Câu 33: Đọc đoạn tư liệu sau:

Năm 1402, “Định lại các lệ thuế và tô ruộng. Triều trước mỗi mẫu thu 3 thăng thóc, nay thu 5 thăng. Bãi dâu triều trước thu mỗi mẫu 9 quan hoặc 7 quan tiền, nay thu hạng thượng đẳng mỗi mẫu 5 quan tiền giấy, hạng trung đẳng mỗi mẫu 4 quan tiền giấy, hạng hạ đẳng 3 quan tiền giấy. Tiền nộp hàng năm của đình nam trước thu 3 quan, nay chiếu theo số ruộng, người nào chỉ có 5 sào ruộng thì thu 5 tiền giấy, từ 6 sào đến 1 mẫu thì thu 1 quan,.... Đình nam không có ruộng và trẻ mồ côi, đàn bà góa, thì đều có ruộng cũng thôi không thu”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.203, 204)

- a. Trong cải cách của mình, Hồ Quý Ly đã cho điều chỉnh thể khóa, tăng thuế ruộng, hạ thuế bãi dâu
- b. Nội dung cải cách trên đã hạn chế đáng kể sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân
- c. Thể lệ thu thuế trong cải cách của Hồ Quý Ly được chia theo các hạng đất chứ không cào bằng như trước
- d. Chính sách thu thuế của Hồ Quý Ly thể hiện sự nhân đạo và tiến bộ với một số đối tượng đặc biệt khó khăn trong xã hội

Câu 34: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Năm 1401, mùa hạ, tháng 4, Hán Thương sai làm sổ hộ tịch trong cả nước,.... Biên hết vào sổ những nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên và lấy sổ hiện tại làm thực số, không cho phép người lưu vong mà vẫn biên tên trong sổ. Yết thị cho các phiên trấn hễ có người Kinh nào trú ngụ thì đuổi về nguyên quán.... Trước đây Quý Ly có lần nói với các quan: “làm thế nào để có được 100 vạn quân để chống giặc Bắc?” Đồng tri khu mật sứ Hoàng Hối Khanh dâng kế sách này.”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, HN, 1998, tr.201)

- a. Đoạn trích đề cập đến cải cách của Hồ Quý Ly trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng
- b. Việc làm sổ hộ tịch trong cả nước đã chấn chỉnh tình trạng khai man hoặc ẩn lậu dân đinh ở làng xã
- c. Chính sách cải cách trên đã giúp nhà Hồ có thể tuyển lựa quân với số lượng lớn
- d. Việc làm sổ hộ tịch trong cả nước vừa phục vụ yêu cầu an sinh xã hội vừa phục vụ nhu cầu quốc phòng

Câu 35. Đọc đoạn tư liệu sau;

“Năm 1397, Hồ Quý Ly cho xây dựng thành Tây Đô (thuộc Thanh Hoá ngày nay) rồi ép vua Trần dời đô về đây. Phía ngoài thành là hệ thống hào quy mô lớn kết hợp lũy tre gai dày đặc. Năm 1402 nhà Hồ đắp sửa đường sá từ thành Tây Đô đến Hoa Châu (Thừa Thiên Huế và phía Bắc Quảng Nam

ngày nay). Năm 1405 nhà Hồ cho quân đóng cọc gỗ lớn ở cửa biển và những nơi xung yếu bên sông để phòng giặc, xây dựng hệ thống phòng thủ dài hàng trăm ki-lô-mét”.

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 64)

- a) Tư liệu đề cập đến nội dung trong cải cách về mặt quân sự của Hồ Quý Ly.
- b) Cải cách đã góp phần tăng cường hệ thống phòng thủ và sức mạnh quân sự.
- c) Trong cải cách, Hồ Quý Ly chú trọng yếu tố sức mạnh chiến tranh nhân dân.
- d) Nhờ cải cách quân sự, nhà Hồ đã đủ tiềm lực để kháng chiến chống Minh.S

Câu 44: Đọc đoạn tư liệu sau:

Năm 1397, Hồ Quý Ly cho xây thành Tây Đô (còn gọi là thành Nhà Hồ, thuộc Thanh Hóa ngày nay) rồi ép vua Trần dời đô về đây. Phía ngoài thành là hệ thống hào quy mô lớn kết hợp lũy tre gai dày đặc. Năm 1402, nhà Hồ đắp sửa đường sá từ thành Tây Đô đến Hóa Châu (Thừa Thiên Huế và phía Bắc Quảng Nam ngày nay). Năm 1405, nhà Hồ cho quân đóng cọc gỗ lớn ở cửa biển và những nơi xung yếu trên sông để phòng giặc, xây dựng hệ thống phòng thủ dài hàng trăm ki – lô – mét

(Sách Giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.64)

- a. Đoạn trích đề cập đến một số hoạt động của nhà Hồ nhằm chấn chỉnh quốc phòng
- b. Việc xây thành Tây Đô, đắp sửa đường sá của Hồ Quý Ly nhằm mục đích duy nhất là bảo vệ quyền lợi vương triều Hồ
- c. Đoạn trích chủ yếu nhằm phê phán sự lộng quyền của Hồ Quý Ly về mặt quân đội, quốc phòng
- d. Việc xây thành Tây Đô, đắp sửa đường sá, đóng cọc gỗ lớn ở cửa biển của Hồ Quý Ly xuất phát từ thực trạng đất nước đứng trước nguy cơ ngoại xâm

BÀI 10: CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỶ XV)

Câu 1: Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông được tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Nội bộ triều đình có nhiều mâu thuẫn, biến động.
- B. Nền kinh tế sa sút, nạn đói diễn ra thường xuyên
- C. Đất nước đứng trước nguy cơ bị nhà Minh xâm lược
- D. Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng trầm trọng

Câu 2. Công cuộc cải cách của Lê Thánh Tông được tiến hành trên mọi lĩnh vực, nhưng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực

- A. kinh tế. B. giáo dục. C. hành chính. D. văn hóa.

Câu 3: Để quản lý đất nước, vua Lê Thánh Tông đã cho ban hành bộ luật nào sau đây?

- A. Hình thư B. Quốc triều hình luật. C. Hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 4: Trong lĩnh vực văn hóa, Lê Thánh Tông đặc biệt đề cao hệ tư tưởng

- A. Phật giáo B. Đạo giáo C. Nho giáo D. Thiên chúa giáo

Câu 5: Ban cấp ruộng đất ruộng đất cho quý tộc, quan lại cao cấp từ nhất phẩm đến tứ phẩm là nội dung chủ yếu của chính sách cải cách nào sau đây của vua Lê Thánh Tông?

- A. Quân điền B. Hạng điền C. Hạng nô D. Lộc điền

Câu 6: Ruộng đất công ở các làng xã thời Lê Thánh Tông được phân chia theo chế độ nào sau đây?

- A. Điền trang. B. Lộc điền. C. Quân điền. D. Hạng điền

Câu 7: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống cơ quan phụ trách đạo thừa tuyên có tên gọi là

- A. Tam ty B. Lục bộ C. Lục khoa D. Thông chính ty

Câu 8. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông cho lập thêm đạo thừa tuyên thứ 13 có tên gọi là

- A. Hà Nội. B. Phú Xuân. C. Quảng Nam. D. Tây Đô.

Câu 9: Trong cuộc cải cách thế kỉ XV, dưới đạo thừa tuyên, vua Lê Thánh Tông thiết lập hệ thống

- A. phủ, huyện/châu, xã. B. tỉnh/thành phố, huyện, xã
C. lộ, trấn, phủ, huyện/châu D. tỉnh, phủ, huyện, slàng.

Câu 10: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống quan lại được tuyển chọn chủ yếu thông qua

- A. dòng dõi tôn thất B. tiến cử C. giáo dục – khoa cử D. đề cử

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng mục đích cải cách của vua Lê Thánh Tông?

- A. Tăng cường quyền lực của hoàng đế và củng cố bộ máy nhà nước
B. Giải quyết tình trạng khủng hoảng trầm trọng của đất nước bấy giờ
C. Biến nước ta trở thành cường quốc lớn mạnh hàng đầu trong khu vực.
D. Tăng cường tiềm lực đất nước chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm

Câu 12: Để tập trung quyền lực vào nhà vua, Lê Thánh Tông đã

- A. Bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ B. Chú trọng đổi mới giáo dục khoa cử
C. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô D. Coi trọng bảo vệ quyền lợi phụ nữ, trẻ em

Câu 13: “Đây là một bộ luật đầy đủ... gồm hơn 700 điều, quy định khá đầy đủ tội danh và hình phạt liên quan đến hầu hết các hoạt động xã hội, bảo vệ quyền hành của giai cấp thống trị, một số quyền lợi chân chính của nhân dân và an ninh đất nước”. Nhận xét trên đề cập đến bộ luật nào sau đây?

- A. Hình luật. B. Hình thư. C. Quốc triều hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 14: Năm 1460, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành

- A. cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực. B. mở cuộc tiến công sang Trung Quốc.
C. công cuộc thống nhất đất nước. D. khuyến khích phát triển ngoại thương.

Câu 15. Một trong những điểm mới và tiến bộ của bộ luật Quốc triều hình luật là

- A. đề cao quyền tự do, dân chủ của nhân dân. B. bảo vệ tuyệt đối quyền và lợi ích của vua.
C. bảo vệ quyền và lợi ích của quân cấm binh. D. bảo vệ quyền lợi và địa vị của người phụ nữ.

Câu 16. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về chức năng của Lục bộ dưới thời vua Lê Thánh Tông?

- A. Cơ quan giúp việc cho Lục Tự, Lục khoa B. Theo dõi, giám sát hoạt động của Lục khoa.
C. Cơ quan cao cấp chủ chốt trong triều đình. D. Phụ trách hoạt động quân sự của nhà nước.

Câu 17. Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách hành chính ở cấp trung ương của vua Lê Thánh Tông?

- A. Chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.
B. Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.
C. Giữ lại một số ít quan đại thần cùng vua bàn việc khi cần.
D. Tổ chức hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục Bộ, Lục khoa

Câu 18: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa cải cách của vua Lê Thánh Tông thế kỉ XV?

- A. Nâng cao tiềm lực quốc gia, đẩy lùi nguy cơ ngoại xâm cận kề
B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trầm trọng
C. Góp phần ổn định và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội Đại Việt

D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ và hành chính

Câu 19: Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực hành chính?

- A. Thành lập Lục bộ đảm nhiệm công việc chủ yếu của quốc gia
- B. Tăng cường chế độ kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan
- C. Chia cả nước từ 5 đạo thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô
- D. Đề cao Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn

Câu 20: Nội dung nào sau đây là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực văn hóa – giáo dục?

- A. Quy định chặt chẽ chế độ khoa cử
- B. Thành lập Lục khoa giám sát Lục bộ
- C. Ban hành chế độ lộc điền và quân điền
- D. Hạn chế quyền lực của vương hầu, quý tộc

Câu 21: Nội dung nào sau đây là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực quân đội, quốc phòng?

- A. Bãi bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn
- B. Chú trọng xây dựng đội ngũ quan lại có phẩm chất tốt
- C. Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý đất nước
- D. Tổ chức các kì thi khảo võ nghệ để tuyển chọn tướng sĩ

Câu 22: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm giống nhau giữa cải cách của Hồ Quý Ly và vua Lê Thánh Tông?

- A. Cải cách chủ yếu mô phỏng theo mô hình nhà Minh (Trung Quốc)
- B. Cải cách thành công trọn vẹn và mang tính triệt để trên mọi lĩnh vực
- C. Cải cách nhằm tập trung quyền lực về tay vua và triều đình trung ương
- D. Cải cách toàn diện, quy mô lớn nhưng tập trung vào lĩnh vực quân đội

Câu 23: Phân chia ruộng công ở các làng xã cho quan lại từ tam phẩm trở xuống đến các tầng lớp nhân dân là nội dung chủ yếu của chính sách cải cách nào sau đây của vua Lê Thánh Tông?

- A. Quân điền
- B. Hạn điền
- C. Hạn nô
- D. Lộc điền

Câu 24: Công cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông thế kỉ XV **không** được tiến hành trên lĩnh vực nào sau đây?

- A. Hành chính
- B. Giáo dục
- C. Kinh tế
- D. Ngoại giao

Câu 25: “Coi trọng biên soạn quốc sử” là nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực nào sau đây?

- A. Quân đội
- B. Văn hóa
- C. Luật pháp
- D. Kinh tế

Câu 26: Trong nội dung cải cách, Hồ Quý Ly và vua Lê Thánh Tông đều

- A. bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ có nhiều quyền lực
- B. khuyến khích và đề cao sử dụng chữ Nôm trong thi cử
- C. hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của quý tộc tôn thất
- D. tăng cường cơ chế giám sát, ràng buộc lẫn nhau giữa các cơ quan

Câu 27: Năm 1484, vua Lê Thánh Tông quyết định cho dựng bia ghi tên Tiên sĩ nhằm

- A. tập trung quyền lực vào tay vua và triều đình trung ương
- B. đề cao Nho học và tôn vinh các bậc trí thức Nho học
- C. phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc
- D. tăng cường sự ràng buộc lẫn nhau giữa các cơ quan

Câu 28: Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách hành chính ở cấp địa phương của vua Lê Thánh Tông?

- A. Chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.
- B. Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.
- C. Thành lập cơ quan đứng đầu các đạo Thừa tuyên là Tam ty
- D. Bãi bỏ lộ, trấn cũ, thành lập hệ thống phủ, huyện/châu, xã

Câu 29. Cuộc cải cách hành chính lớn nhất nước ta thế kỉ XV do ai thực hiện?

- A. Hồ Quý Ly.
- B. Lý Thánh Tông.
- C. Minh Mạng.
- D. Lê Thánh Tông.

Câu 30. Tổ chức bộ máy chính quyền địa phương thời Lê sơ từ sau cải cách của Lê Thánh Tông gồm

- A. đạo thừa tuyên, phủ, huyện/châu, xã.
- B. phủ Thừa Thiên, châu/huyện, xã, làng.
- C. đạo thừa tuyên, phủ, châu, hương, xã.
- D. phủ Thừa Thiên, huyện/châu, xã, làng.

Câu 31. Bộ *Quốc triều hình luật* thời Lê Thánh Tông còn có tên gọi khác là

- A. Hình luật.
- B. Hình thư.
- C. Luật Hồng Đức.
- D. Luật Gia Long.

Câu 32. Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa về cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV?

- A. Mở ra khả năng độc lập, tự chủ đầu tiên cho dân tộc ta.
- B. Làm chuyển biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia.
- C. Tạo thế và lực cho ta đánh bại quân xâm lược Minh.
- D. Tạo tiền đề cho cuộc chiến tranh xâm lược phương Bắc.

Câu 33: Để tăng cường sức mạnh quân đội, trong cải cách của mình, vua Lê Thánh Tông đã

- A. Quy định chặt chẽ kỉ luật quân đội và huấn luyện, tập trận
- B. Thải hồi những binh sĩ già yếu, bổ sung người khỏe mạnh
- C. Tăng cường tuyển quân quy mô lớn, ở ạt ở các địa phương
- D. Chú trọng cải tiến vũ khí, phòng thủ những nơi hiểm yếu

Câu 34: Một trong những điểm mới của bộ *Quốc triều hình luật* là

- A. có sự gia tăng hình phạt đối với người phạm tội nếu đã đến tuổi trưởng thành
- B. có sự phân biệt hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc còn nhỏ
- C. đề cao quyền lợi và địa vị của nam giới, quy định cụ thể về tố tụng
- D. xóa bỏ hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc còn nhỏ

Câu 35. Thời vua Lê Thánh Tông, nhà nước có chính sách gì để tôn vinh những người đỗ đại khoa?

- A. Lập đền thờ các danh nhân.
- B. Cấp bằng Thạc sĩ.
- C. Khắc tên trên văn bia ở Văn Miếu.
- D. Cấp bằng Tiến sĩ.

Câu 36. Từ thời Lê Thái Tổ đến Lê Nhân Tông, nội bộ triều đình Lê sơ

- A. thường có mâu thuẫn giữa vua và quý tộc.
- B. có nhiều mâu thuẫn và biến động.
- C. liên tục bị thao túng bởi quan lại.
- D. bị những nhiễu bởi các quan đại thần.

Câu 37. Nội dung nào phản ánh đúng ý nghĩa về cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)?

- A. Mở ra khả năng độc lập, tự chủ, thống nhất lâu dài cho dân tộc ta.
- B. Tạo thế và lực cho nước ta đánh bại quân xâm lược Minh, bảo vệ Tổ quốc.
- C. Mở ra khả năng mới, tạo tiền đề cho cuộc chiến tranh xâm lược phương Bắc.
- D. Tạo cơ sở cho nhà Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

Câu 38. Nội dung nào sau đây **không** phải là những giá trị cơ bản mà cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông thế kỉ XV mang lại?

- A. Không để quyền lực tập trung quá nhiều vào một cơ quan, để ngăn chặn sự lộng quyền.
- B. Xây dựng quy chế vận hành bộ máy nhà nước trên nguyên tắc quyền lực thuộc về nhân dân.
- C. Các cơ quan Nhà nước giám sát lẫn nhau để hạn chế sự lạm quyền và nâng cao trách nhiệm.
- D. Thanh lọc, tinh giản một số chức quan, cơ quan và các cấp chính quyền trung gian.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 39: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nay quan gia còn trẻ thơ mà thiên tai xảy ra luôn, trẫm (tức Lê Nhân Tông) rất lo sợ. Mỗi hại ngày nay có thể là do gây bè cánh, tiến cử không công bằng, có thể vì cậy thế công thần nơi tiềm để cho vợ con chạy chọt nhờ vả nơi quyền thế, có thể do để bọn gia nô làm hại dân lành, hay thậm thụt ở các nhà quyền thế để xin khỏi tội,..”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.372)

- a. Đoạn trích phản ánh mối lo ngại của vua Lê Nhân Tông về thực trạng kinh tế, chính trị của quốc gia lúc bấy giờ
- b. Theo vua Lê Nhân Tông, một trong những nguyên nhân khiến triều đình có nhiều biến động là do tình trạng phe cánh, bè phái trong nội bộ hệ thống quan lại
- c. Dưới thời vua Lê Nhân Tông, thiên tai xảy ra liên tiếp là do triều đình không quan tâm đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân
- d. Một bộ phận công thần dưới thời vua Lê Nhân Tông có nhiều biểu hiện của sự lộng quyền

Câu 40: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triều thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có công nhưng không có học thức, thay vào đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lí các bộ đã hạn chế sự công kênh, quan liêu của bộ máy hành chính”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 91)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, quân sự
- b. Một số quan lại đương chức nhưng không có học thức đã bị Lê Thánh Tông bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử
- c. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã thực hiện một số biện pháp thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều
- d. Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã khiến quyền lực được tập trung cao độ vào trong tay nhà vua

Câu 41. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thể hiện rõ tinh thần dân tộc của vương triều Lê sơ, đưa nhà nước Lê sơ đạt đến giai đoạn phát triển đỉnh cao, đồng thời đặt cơ sở cho hệ thống hành chính của Đại Việt nhiều thế kỉ sau đó”.

Tư liệu 2: “Bộ máy nhà nước và các quy chế của nó do Lê Thánh Tông xây dựng đã được duy trì trong nhiều thế kỉ và đã đánh dấu một thời thịnh trị trong lịch sử chế độ quân chủ phong kiến Việt Nam”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 71)

- a) Tư liệu đề cập đến ý nghĩa lịch sử cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỉ XV.
- b) Lần đầu tiên trong lịch sử, hệ thống hành chính của Đại Việt đã được xây dựng.
- c) Hệ thống hành chính thời Lê sơ đã được giữ nguyên vẹn ở các triều đại tiếp theo.
- d) Cuộc cải cách đã đưa chế độ quân chủ Đại Việt đạt tới đỉnh cao, chặt chẽ, hoàn thiện.

Câu 42: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chế độ quân điền, chia ruộng đất công làng xã cho người dân, từ quan tam phẩm trở xuống đến binh lính, dân đinh, cư dân trong thôn xã theo tỉ lệ. Chính sách quân điền phủ định quyền chi phối ruộng đất công của làng xã theo tục lệ, buộc làng xã phải tuân thủ những nguyên tắc quy định về phân chia và hưởng thụ bộ phận ruộng đất công theo quy định của nhà nước. Trên nguyên tắc, ruộng đất công làng xã không được đem mua bán, chuyển nhượng, quyền đó thuộc về vua. Vua trở thành người chủ lớn nhất trong cả nước và nông dân làng xã trở thành tá điền của nhà nước, làng xã quản lí ruộng đất cho nhà nước trung ương và nhà vua”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 109)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực kinh tế
- b. Chế độ quân điền mà vua Lê Thánh Tông ban hành có điểm tích cực là đảm bảo cho người dân có ruộng đất để cày cấy, canh tác
- c. Với chính sách quân điền, nhà nước Lê sơ trở thành thế lực địa chủ tối cao, làng xã biến thành đơn vị thay mặt nhà nước quản lý ruộng đất
- d. Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, chính sách quân điền gây ra nhiều hệ quả tiêu cực hơn là tích cực

Câu 43 Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau nắm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. Cấm binh coi giữ ba ty để làm vượt nanh, tìm óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc.... Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương.... Tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau...”

(Lời dụ của Lê Thánh Tông, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.453).

- a. Lời dụ trên thể hiện nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, cụ thể là tổ chức bộ máy chính quyền
- b. Các cơ quan trung ương được nhắc đến trong lời dụ gồm: sáu bộ, sáu khoa, sáu tự, thừa ty
- c. Tổng binh là một trong những chức vụ quan lại được nhắc đến trong lời dụ của vua Lê Thánh Tông
- d. Theo lời dụ của Lê Thánh Tông, tất cả các cơ quan, chức quan cần làm việc một cách minh bạch, dân chủ, độc lập, tránh ràng buộc nhau

Câu 44 Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV diễn ra trên nhiều lĩnh vực, trong đó lĩnh vực hành chính là một trong những thành tựu lớn. Sử sách cho biết bộ bản đồ Hồng Đức được thực hiện dưới thời vua Lê Thánh Tông từ năm 1476 đến năm 1490 thì hoàn thành. Đây là bộ bản đồ địa lý và hành chính đầu

tiên ở Việt Nam được nhà nước phong kiến trực tiếp chỉ đạo thực hiện vẽ trên giấy một cách hoàn chỉnh và khoa học. Dù bộ bản đồ gốc đã bị thất lạc, song qua những tư liệu còn lưu lại đến ngày nay giúp ta phần nào hiểu được cương vực, địa giới Đại Việt thế kỉ XV. Sự ra đời của bộ bản đồ cũng đồng thời phản ánh kết quả to lớn của cuộc cải cách hành chính được vua Lê Thánh Tông tiến hành thời ấy”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.71)

- a. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông là một cuộc cải cách toàn diện, quy mô lớn, nhưng trọng tâm là cải cách hành chính.
- b. Bộ bản đồ Hồng Đức là bộ bản đồ địa lý và hành chính đầu tiên ở Việt Nam do triều đình phong kiến trực tiếp tiến hành.
- c. Bộ bản đồ Hồng Đức không phải là thành tựu trong công cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực hành chính.
- d. Bộ bản đồ Hồng Đức hiện nay là một tư liệu lịch sử quý giá giúp các nhà sử học nghiên cứu về cương vực, địa giới Đại Việt thế kỉ XV.

BÀI 11: CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Cuộc cải cách hành chính lớn nhất của vương triều Nguyễn được tiến hành dưới thời vua

- A.** Gia Long. **B.** Minh Mạng. **C.** Tự Đức. **D.** Thiệu Trị.

Câu 2: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Chế độ quân chủ chuyên chế đang trong thời kì thịnh trị.
- B. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh
- C. Bộ máy chính quyền nhà nước chưa hoàn thiện, đồng bộ
- D. Đất nước đứng trước nguy cơ xâm lược từ nhà Thanh

Câu 3: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) nhằm thực hiện một trong những mục đích nào sau đây?

- A. Tập trung quyền lực vào tay vua
- B. Thúc đẩy kinh tế tư bản chủ nghĩa
- C. Ngăn ngừa nguy cơ giặc ngoại xâm
- D. Khôi phục nền giáo dục Nho học

Câu 4: Để hoàn thiện bộ máy chính quyền Trung ương, vua Minh Mạng đã cho thành lập một số cơ quan mới có tên là

- A. Lục bộ, Lục khoa, Lục tự
- B. Đô ty, Thừa ty, Hiến ty
- C. Đô sát viện, Cơ mật viện
- D. Thông chính ty, Quốc Tử Giám

Câu 5 Trọng tâm cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A.** kinh tế. **B.** xã hội. **C.** hành chính. **D.** quân sự.

Câu 6. Trong bộ máy chính quyền trung ương thời Minh Mạng, Cơ mật viện (thành lập năm 1834) có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho nhà vua vấn đề chiến lược về

- A.** kinh tế. **B.** an ninh. **C.** giáo dục. **D.** tài chính.

Câu 7. Dưới thời vua Minh Mạng, đứng đầu tỉnh là

- A. Tổng đốc, Tuần phủ.
- B. Quan Thượng thư.
- C. Khâm sai đại thần.
- D. Tả tướng quân.

Câu 8: Trong cuộc cải cách nửa đầu thế kỉ XIX, vua Minh Mạng đã phân chia bộ máy chính quyền địa phương thành các cấp nào sau đây?

- A. Đạo thừa tuyên, phủ, huyện/châu, xã.
- B. Tỉnh/thành phố, huyện/châu, xã
- C. Lộ, trấn, phủ, huyện/châu, xã
- D. Tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng, xã.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** phải là hoạt động cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX?

- A. Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục bộ
- B. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô
- C. Tăng cường giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan
- D. Phân chia lại đơn vị hành chính ở cấp địa phương

Câu 10 Trong công cuộc cải cách của vua Minh Mạng, Nội các được thành lập có vai trò nào sau đây?

- A. Giúp vua khởi thảo các văn bản hành chính
- B. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Lục bộ
- C. Phụ trách nhân khẩu, thu thuế trong cả nước
- D. Xương danh những người đỗ trong kì thi Đình

Câu 11 Năm 1832, vua Minh Mạng cho thành lập Đô sát viện để thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Tiếp nhận và xử lý các loại công văn, giấy tờ
- B. Can gián nhà vua và giám sát các cơ quan
- C. Phụ trách nhân khẩu, thu thuế trong cả nước
- D. Phụ trách bang giao, đón tiếp sứ thần nước ngoài

Câu 12. Ở địa phương, trong công cuộc cải cách hành chính, vua Minh Mạng đã chia cả nước thành

- A. 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.
- B. Gia Định thành và trực doanh.
- C. Gia Định thành và 30 tỉnh.
- D. 30 tỉnh và Bắc thành.

Câu 13. Đối với vùng dân tộc thiểu số ở phía Bắc, Minh Mạng bãi bỏ chế độ

- A. An phủ sứ.
- B. thổ quan.
- C. thuộc địa.
- D. thuộc quan.

Câu 14. Nội dung nào **không** phản ánh đúng tình hình bộ máy chính quyền thời Gia Long và những năm đầu thời Minh Mạng?

- A. Thiếu sự thống nhất, đồng bộ, tập trung.
- B. Quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế.
- C. Tình hình an ninh-xã hội nhiều bất ổn.
- D. Ở địa phương, đất nước được chia thành tỉnh.

Câu 15: Trong cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX), đứng đầu tỉnh là

- A. Đô ty, Thừa ty, Hiến ty.
- B. Lục bộ, Lục khoa
- C. Tổng đốc, Tuần phủ.
- D. Lục khoa, Lục tự

Câu 16. Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã đem lại một trong những kết quả nào sau đây?

- A. Đưa đất nước phát triển lên chế độ tư bản chủ nghĩa.
- B. Thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.

- C. Góp phần mở cửa và hội nhập nền kinh tế khu vực.
- D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 17 Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng kết quả cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

- A. Xây dựng được chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ.
- B. Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.
- C. Tổ chức cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ.
- D. Xây dựng chế độ quân chủ trung ương phân quyền cao độ.

Câu 18. Trong bộ máy chính quyền trung ương thời Minh Mạng, Cơ mật viện có vai trò tư vấn cho nhà vua về

- A. văn hóa.
- B. quân sự.
- C. giáo dục.
- D. luật pháp.

Câu 19. Ở địa phương, trong công cuộc cải cách hành chính nửa đầu thế kỉ XIX, vua Minh Mạng đã chia cả nước thành

- A. 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên.
- B. Bắc Thành, Gia Định thành
- C. 13 đạo thừa tuyên và các phủ
- D. các lộ, trấn, phủ, huyện/châu

Câu 20. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh

- A. tình hình an ninh – xã hội ở nhiều địa phương bất ổn
- B. bộ máy nhà nước phong kiến cơ bản đã hoàn chỉnh.
- C. tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất đã khắc phục.
- D. phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thâm nhập mạnh

Câu 21. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.
- B. Tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.
- C. Tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.
- D. Xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

Câu 22. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.
- B. ngăn chặn mọi nguy cơ xâm lược từ bên ngoài.
- C. đặt cơ sở cho sự phân chia tỉnh, huyện hiện nay.
- D. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 23. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Nâng cao vai trò quản lí của chính quyền ở trung ương.
- B. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.
- C. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.
- D. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng tư bản.

Câu 24. Một trong những di sản lớn nhất trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) còn giá trị đến ngày nay là

- A. cách thức tổ chức bộ máy nhà nước ở trung ương.

- B. cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- C. tập trung cao độ quyền lực vào trong tay nhà vua.
- D. ưu tiên bổ nhiệm quan lại là người ở địa phương.

Câu 25. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm khác biệt nào sau đây?

- A. Thành lập lục Bộ để giúp việc cho nhà vua.
- B. Tăng cường quyền lực tuyệt đối của nhà vua.
- C. Thành lập các cơ quan Nội các và Cơ mật viện.
- D. Củng cố chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 26: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nội các là một cơ yếu, phải đặc cách chọn lấy những bề tôi châu hầu tùy tùng ở bên nhà vua khiến cho ra vào gần gũi đề phòng khi cần hỏi han. Những người sung vào chức đó thì lấy ở hàng quan Tam, Tứ phẩm trong các bộ, các viện, còn các thuộc viên thì lấy những người có chức hàm trong Viện hàn lâm sung vào, các bậc thì ở dưới Lục bộ. Phàm những sắc, chiếu, sớ tấu, sách vở, ghi chép, hoặc xem xét giấy tờ, đều thuộc tòa Nội các cả; những viên chức đó đều tùy theo công việc nặng nhẹ, nhiều ít, chức lượng mà chia ra từng tào để cho có chuyên trách”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004)

- a. Nội các là một trong những cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương nhà Nguyễn từ thời vua Minh Mạng.
- b. Toàn bộ các thành viên của Nội các đều lấy từ các chức quan ở trong Lục bộ
- c. Theo lời dụ của Minh Mạng, một trong những nhiệm vụ của Nội các là giúp vua khởi thảo sắc, chiếu, sớ tấu...
- d. Nội các chịu trách nhiệm trực tiếp trước nhà vua, đồng thời chịu sự giám sát của Lục bộ và các cơ quan chuyên môn khác.

Câu 27: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Từ năm 1832, đại diện của Đô sát viện, bộ Hình và Đại lý tự tạo thành Tam pháp ty – cơ quan chuyên nhận đơn của những người kêu oan, tố cáo, đồng thời thẩm tra, xét xử những việc oan ức. Hàng tháng, vào các ngày 6, 16, 26 âm lịch, Tam pháp ty họp để xét xử. Nếu không đúng những ngày đó, người đưa đơn có thể đến trước của Tam pháp ty đánh trống Đăng Văn để báo hiệu. Trống Đăng Văn đã phát huy được chức năng trong việc tạo điều kiện cho dân chúng thể hiện tiếng nói của mình mỗi khi bị kết án oan. Đồng thời, sự tồn tại của trống Đăng Văn đã phần nào hạn chế sự chuyên quyền, độc đoán và thói ức hiếp dân chúng của một số quan lại địa phương, thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật thời bấy giờ.

- a. Đoạn trích tập trung phản ánh sự bất cập, hạn chế trong xử lý các hình án dưới thời kì nhà Nguyễn.
- b. Tam pháp ty được tạo nên bởi các thành viên của 3 cơ quan, gồm: Đô sát viện, bộ Hình và Đại lý tự.
- c. Trống Đăng Văn có thể coi là một biểu tượng dân chủ dưới triều Nguyễn, góp phần hạn chế sự chuyên quyền, độc đoán của một số quan lại.

d. Tam pháp ty là cơ quan chuyên nhận đơn của những người kêu oan và họp bàn xét xử vào một số ngày cố định trong tháng.

Câu 28: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Dưới thời vua Minh Mạng, đứng đầu tỉnh là Tổng đốc (phụ trách một tỉnh lớn và một tỉnh nhỏ liền kề) hoặc Tuần phủ (phụ trách một tỉnh nhỏ). Hai cơ quan giúp việc cho Tổng đốc và Tuần phủ là Bố chính ty (do Bố chính sứ đứng đầu) và Án sát ty (do Án sát sứ đứng đầu). Bố chính ty phụ trách thuế khóa, đinh điền, hộ tịch. Án sát ty phụ trách hình án.

- a. Đoạn trích phản ánh bộ máy chính quyền dưới thời vua Minh Mạng ở cấp trung ương.
- b. Một trong những cải cách hành chính của vua Minh Mạng là chia nước ta ra thành các tỉnh.
- c. Dưới thời vua Minh Mạng, Bố chính ty và Án sát ty là hai cơ quan giúp việc cho người đứng đầu cấp tỉnh.
- d. Tổng đốc thường là người phụ trách hai tỉnh, trực tiếp cai trị một tỉnh. Tỉnh còn lại do Tuần phủ đứng đầu, đặt dưới sự kiểm quản của Tổng đốc.

Câu 29: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1802, nhà Nguyễn thành lập với lãnh thổ mới rộng lớn, kéo dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Thời gian đầu, bộ máy chính quyền về cơ bản tiếp tục kế thừa mô hình nhà Lê trung hưng kết hợp với một số biện pháp tạm thời. Thời Gia Long, triều đình trung ương ở Phú Xuân chỉ trực tiếp kiểm soát 4 dinh và 7 trấn từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Quản lý 11 trấn ở phía bắc là Bắc Thành, quản lý 5 trấn ở phía nam là Gia Định Thành. Đứng đầu Bắc Thành và Gia Định Thành là chức Tổng trấn.

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về tình hình nhà Nguyễn dưới thời vua Gia Long trên các mặt chính trị, kinh tế, xã hội
- b. Bộ máy chính quyền dưới thời vua Gia Long thiếu sự thống nhất và đồng bộ trên phạm vi cả nước.
- c. Dưới thời vua Gia Long, quyền lực của nhà vua và triều đình phong kiến trung ương bị hạn chế.
- d. Sự tồn tại của Bắc Thành và Gia Định thành bộc lộ tính phân quyền và tiềm ẩn nhiều nguy cơ lạm quyền ở địa phương.

Câu 30: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Trong thì Nội các ở bên tả, Cơ mật viện ở bên hữu, ngoài thì võ có Ngũ quân Đô thống phủ, văn có đường quan Lục bộ: tả hữu có người, trong ngoài giúp nhau. Phạm những việc Lục bộ làm chưa đúng, thì Nội các hạch ra, những việc Nội các làm chưa hợp lẽ thì Cơ mật viện hạch ra, khiến cho ràng rịt nhau mới mong đến được thịnh trị”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.435)

- a. Lời dụ của vua Minh Mạng phản ánh tổ chức bộ máy chính quyền phong kiến ở cấp trung ương và địa phương
- b. Nội các, Cơ mật viện, Lục bộ là những cơ quan chủ chốt trực tiếp giúp việc cho vua và chịu trách nhiệm trước nhà vua
- c. Vua Minh Mạng rất coi trọng việc kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan chủ chốt trong triều
- d. Ngũ quân Đô thống phủ là cơ quan chuyên môn giúp đỡ Lục bộ về tổ chức quân đội, võ bị ở các địa phương

Câu 31. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Trong những năm 1831 – 1832, Minh Mạng lần lượt xoá bỏ Bắc Thành, Gia Định Thành cùng chức Tổng trấn, đồng thời đổi các dinh – trấn trên cả nước thành 30 tỉnh, đặt dưới sự quản lý trực tiếp của triều đình trung ương. Sự ra đời của đơn vị hành chính cấp tỉnh gắn liền với hệ thống cơ quan, chức quan phụ trách cùng cơ chế làm việc mới”.

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 74)

- a) Xoá bỏ Bắc Thành, Gia Định Thành nhằm tăng cường quyền lực cho nhà vua.
- b) Đơn vị hành chính cấp tỉnh có từ thời Lê sơ, đến thời Nguyễn được củng cố.
- c) Cải cách Minh Mạng có ảnh hưởng đến cơ cấu hành chính Việt Nam hiện nay.
- d) Sau cuộc cải cách hành chính, chế độ phong kiến Việt Nam đạt đến đỉnh cao.

BÀI 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Biển Đông là vùng biển thuộc

- A. Ấn Độ Dương. B. Thái Bình Dương. C. Đại Tây Dương. D. Địa Trung Hải.

Câu 2. Về vị trí địa lý, biển Đông được coi là cầu nối giữa Thái Bình Dương và

- A. Bắc Băng Dương. B. Ấn Độ Dương. C. Đại Tây Dương. D. Địa Trung Hải.

Câu 3: Biển Đông là vùng biển chung của 9 quốc gia ở châu Á, trong đó có

- A. Trung Quốc B. Lào C. Ấn Độ D. Nhật Bản

Câu 4: Phía tây nam của biển Đông nối với biển An – đa – man của Ấn Độ Dương thông qua eo biển

- A. La – li – man – tan B. Ma – lắ – ca C. Lu – đông D. Đài Loan

Câu 5. Tuyến đường vận tải quốc tế qua Biển Đông được coi là nhộn nhịp thứ 2 trên thế giới chỉ sau biển

- A. Địa Trung Hải B. Hoa Đông. C. Caribê. D. Gia - va.

Câu 6. Eo biển Ma-lắ-ca là điểm điều tiết giao thông quan trọng bậc nhất ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Âu. B. Châu Mỹ. C. Châu Phi. D. Châu Á.

Câu 7. Biển Đông là một trong những biển lớn và là đường vận chuyển huyết mạch của khu vực

- A. châu Á - Thái Bình Dương. B. Bắc Mỹ và eo biển Đan Mạch.
C. châu Âu và mũi Hảo Vọng. D. châu Phi và châu Nam Cực.

Câu 8. Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân ở một số nước thuộc khu vực nào sau đây?

- A. Châu Phi. B. Châu Mỹ. C. Châu Âu. D. Châu Á

Câu 9: Biển Đông là vùng biển chung của 9 quốc gia ở châu Á, trong đó có

- A. Ma – lai – xi - a B. Mỹ C. Liên bang Nga D. Mi – an - ma

Câu 10. Các cảng biển lớn trên Biển Đông có vai trò nào sau đây?

- A. Điểm trung chuyển của tàu thuyền. B. Nơi khai thác và chế biến dầu khí.
C. Điểm tập trung phát triển du lịch. D. Nơi giải quyết các vấn đề xã hội.

Câu 11: Eo biển Ma – lắ – ca là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng, kết nối nhiều nước châu Á, trong đó có 3 nước đông dân của thế giới là In – đô – nê – xi – a, Trung Quốc và

- A. Ai Cập B. Liên bang Nga C. Ấn Độ D. Mông Cổ

Câu 12: Vùng biển nào sau đây là tuyến đường di chuyển ngắn nhất nối Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương?

- A. Biển Địa Trung Hải. B. Biển Đông. C. Biển Đỏ. D. Biển Đen.

Câu 13: Trong lịch sử, Biển Đông được coi là tuyến đường thiết yếu trong giao thông, giao thương, di cư,...giữa

- A. Trung Quốc và Nhật Bản B. Trung Quốc và Đông Á
C. Ấn Độ và Nam Á D. Ấn Độ và Trung Quốc

Câu 14: Các quốc gia ở khu vực nào sau đây có nền kinh tế gắn trực tiếp với con đường thương mại, hệ thống cảng biển và tài nguyên trên Biển Đông?

- A. Đông Bắc Á và Tây Âu B. Đông Bắc Á và Đông Nam Á
C. Đông Nam Á và Nam Á D. Nam Á và Tây Á

Câu 15: Ở Biển Đông, nguồn tài nguyên thiên nhiên nào sau đây có trữ lượng vào loại lớn nhất thế giới?

- A. Muối biển. B. Bể khí. C. Dầu khí. D. Quặng sắt.

Câu 16: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng sự phong phú về nguồn tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông?

- A. Biển Đông là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng nhất châu Á
B. Biển Đông có hàng trăm loài sinh vật, bao gồm cả động vật và thực vật
C. Biển Đông là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của các nước lớn
D. Biển Đông là nơi tập trung các mô hình chính trị, kinh tế xã hội đa dạng

Câu 17. Biển Đông có diện tích khoảng:

- A. 1 triệu km². B. 2.3 triệu km². C. 3.5 triệu km². D. 5.1 triệu km².

Câu 18. Biển Đông là một trong những bồn trũng lớn nhất thế giới chứa:

- A. Khí tự nhiên. B. Dầu khí. C. Vàng bạc. D. Tôm cá.

Câu 19. Vì sao nói Biển Đông là vùng biển tương đối kín.

- A. Vì Biển Đông được bao bọc bởi hệ thống đảo, quần đảo và đất liền.
B. Vì Biển Đông là tuyến đường giao thương quốc tế quan trọng.
C. Vì Biển Đông là vùng Biển bí ẩn, không giao thương với bên ngoài.
D. Vì Biển Đông ở rìa phía Tây của Thái Bình Dương và có 9 quốc gia giáp bên.

Câu 20: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò quan trọng của Biển Đông về mặt kinh tế?

- A. Biển Đông là nơi diễn ra quá trình giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn
B. Biển Đông là tuyến đường vận tải hàng hải nhộn nhịp thứ hai thế giới
C. Các nước Đông Nam Á ven biển hưởng lợi trực tiếp về kinh tế từ biển Đông
D. Các nước ven biển Đông có hoạt động khai thác hải sản và dầu khí sôi động

Câu 21. Ngành kinh tế nào sau đây của Biển Đông được đẩy mạnh nhờ hệ sinh vật đa dạng dưới đáy biển và cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp?

- A. Du lịch biển. B. Nuôi trồng thủy, hải sản.

C. Khai thác khoáng sản. D. Đánh bắt cá.

Câu 22. Nội dung nào sau đây thể hiện tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông?

- A. Là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp nhất trên thế giới.
- B. Là tuyến hàng hải nối Thái Bình Dương với Bắc Băng Dương
- C. Có nguồn tài nguyên thiên nhiên biển phong phú.
- D. Là tuyến giao thông hàng hải duy nhất trên biển.

Câu 23. Nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng trên biển Đông là điều kiện thuận lợi để các nước

- A. kiểm soát, đảm bảo an ninh giao thông trên biển.
- B. xây dựng cơ sở hậu cần, kỹ thuật, phục vụ quân sự.
- C. phát triển hoạt động kinh tế có tầm chiến lược.
- D. xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân.

Câu 24. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc. B. Hàn Quốc. C. Việt Nam. D. Nhật Bản.

Câu 25: Hiện nay, quần đảo Hoàng Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của

- A. thành phố Đà Nẵng. B. tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- C. tỉnh Cà Mau. D. tỉnh Khánh Hòa

Câu 26. Hiện nay, quần đảo Trường Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của

- A. thành phố Đà Nẵng. B. tỉnh Kiên Giang.
- C. tỉnh Khánh Hòa. D. tỉnh Nghệ An.

Câu 27. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tầm quan trọng của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đối với Việt Nam về mặt quốc phòng – an ninh?

- A. Xây dựng các trạm thông tin, dừng chân, tiếp nhiên liệu cho các tàu.
- B. Hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng, từ xa đến gần bảo vệ đất liền.
- C. Tạo thế mạnh cho dịch vụ hàng hải và đánh bắt hải sản trong khu vực
- D. Giúp xây dựng các khu bảo tồn, trung tâm nghiên cứu sinh vật biển.

Câu 28. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam?

- A. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông chỉ thuận lợi để đầu tư và phát triển du lịch.
- B. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có lợi thế và tiềm năng to lớn về tài nguyên biển.
- C. Vùng biển rộng lớn với nhiều đảo là không gian trọng yếu để phát triển văn hóa.
- D. Biển đảo là nguồn cung cấp lương thực chủ yếu cho cuộc sống của nhân dân Việt Nam.

Câu 29: Đặc điểm chung về vị trí địa lý của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là

- A. gần với khu vực đất liền Việt Nam nhất B. nằm ở vị trí trung tâm của Biển Đông
- C. đều thuộc khu vực miền Bắc Việt Nam D. đều thuộc khu vực miền Nam Việt Nam

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 30: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt từ xa xưa cho vùng biển nằm ở phía đông đất nước (Dư địa chí của Nguyễn Trãi năm 1435). Tên tiếng Anh của Biển Đông là South China Sea, do tổ chức Thủy đặc quốc tế đặt theo thông lệ quốc tế dựa vào tên địa danh của một quốc gia ven biển có diện tích lãnh

thỏ đất liền lớn nhất nhưng tên gọi này không hàm ý về chủ quyền. Người Trung Quốc gọi là Nam Hải, người Phi – lip – pin gọi là Biển Tây”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.77)

- a. Biển Đông có nhiều tên gọi khác nhau tùy theo cách gọi của từng quốc gia.
- b. Tổ chức Thủy đặc quốc tế đặt tên cho Biển Đông là South China Sea (tức là vùng biển phía Nam Trung Quốc) vì Trung Quốc là quốc gia ven Biển Đông có diện tích lớn nhất.
- c. Theo tổ chức Thủy đặc quốc tế, Biển Đông là vùng biển thuộc chủ quyền duy nhất của Trung Quốc.
- d. Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt do vùng biển này nằm ở phía đông đất nước ta, nhưng người Phi – lip – pin lại gọi là Biển Tây vì vùng biển này nằm ở phía tây đất nước Phi – lip – pin.

Câu 31: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông là nơi cư trú của 12 nghìn loài sinh vật, trong đó có khoảng 2040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú... Trong khu vực này, tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn.

Khu vực thềm lục địa của biển Đông có tiềm năng dầu khí cao như bồn trũng Bru – này, Nam Côn sơn, Hoàng Sa,...

(Nguyễn Văn Âu, *Địa lí tự nhiên Biển Đông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr.33, 71 – 72)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú ở Biển Đông.
- b. Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông rất phong phú đa dạng, nhưng chỉ có động vật mà không có thực vật.
- c. Dầu khí là một trong những nguồn tài nguyên khoáng sản đặc biệt quan trọng ở Biển Đông.
- d. Nguồn dầu khí ở Biển Đông chỉ có thể được khai thác ở 3 địa điểm: bồn trũng Bru – này, Nam Côn sơn, Hoàng Sa.

Câu 32: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Quần đảo Hoàng Sa (trực thuộc huyện đảo Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng) bao gồm hai nhóm đảo chính: nhóm phía tây (nhóm Lưỡi Liềm hay Trăng Khuyết) gồm một số đảo như Hoàng Sa, Tri Tôn, Hữu Nhật, Duy Mộng,...; nhóm phía đông (nhóm An Vĩnh) gồm các đảo tương đối lớn như Phú Lâm, Đa Cây, Linh Côn và các bãi ngầm, trong đó lớn nhất là đảo Phú Lâm.

Quần đảo Trường Sa (trực thuộc huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa) được chia thành 8 cụm là Song Tử, Loại Ta, Thị Tứ, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm (An Bang) và Bình Nguyên.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ cánh diều, tr.81)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về tiềm năng phát triển du lịch của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- b. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt trực thuộc thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.
- c. Đảo Phú Lâm là một trong những đảo lớn nhất thuộc nhóm phía đông của quần đảo Hoàng Sa.
- d. Nhóm đảo Loại Ta là 1 trong 8 cụm thuộc quần đảo Trường Sa.

Câu 33: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Biển Đông là mạch đường thiết yếu vận chuyển dầu và các nguồn tài nguyên thương mại từ Trung Cận Đông và Đông Nam Á tới Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Hơn 90% lượng vận tải thương mại của thế giới thực hiện bằng đường biển và 45% trong số đó phải đi qua vùng biển Đông. Nhiều nước và vùng

lãnh thổ ở khu vực Đông Á có nền kinh tế phụ thuộc sống còn vào con đường biển này như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Xingapo và Trung Quốc. Hàng năm, có khoảng 70% khối lượng dầu mỏ nhập khẩu được vận chuyển bằng đường biển qua biển Đông. Trung Quốc có 29/39 tuyến đường hàng hải và khoảng 60% lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, 70% lượng dầu mỏ nhập khẩu được vận chuyển bằng đường biển qua biển Đông. Ven Biển Đông có hơn 500 cảng biển, trong đó có 2 cảng vào loại lớn và hiện đại nhất thế giới là cảng Xin – ga – po và Hồng Công. Thương mại và công nghiệp ngày càng gia tăng ở khu vực.

a. Những dẫn chứng được đưa ra trong đoạn tư liệu cho thấy Biển Đông là tuyến đường giao thông biển huyết mạch của khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

b. Nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á có nền kinh tế phụ thuộc trực tiếp vào Biển Đông.

c. Tất cả các tuyến đường hàng hải của Trung Quốc để xuất nhập khẩu hàng hóa, đặc biệt là dầu mỏ đều phải đi qua Biển Đông.

d. Xin – ga – po và Hồng Công là hai cảng biển lớn và hiện đại nhất ở khu vực ven Biển Đông.

Câu 34: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Các nước giáp Biển Đông có sản lượng đánh bắt và nuôi trồng hải sản đứng hàng đầu thế giới như: Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam, In – đô – nê – xi – a và Phi – lip – pin.

Theo tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Biển Đông là vùng biển có sản lượng đánh bắt hải sản hàng đầu thế giới với khoảng 6 triệu tấn, chiếm 10% tổng khối lượng toàn thế giới, riêng sản lượng cá xếp thứ 4/19 thế giới.

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, tr.76)

a. Những dẫn chứng được đưa ra trong đoạn tư liệu cho thấy Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược về kinh tế, chính trị - an ninh với nhiều quốc gia.

b. Theo tổ chức UNESCO, Biển Đông là vùng biển có sản lượng đánh bắt hải sản hàng đầu thế giới.

c. Việt Nam là một trong những quốc gia ven Biển Đông có sản lượng đánh bắt hải sản đứng hàng đầu thế giới

d. Biển Đông là vùng biển có sản lượng đánh bắt hải sản chiếm tỉ lệ gần như tuyệt đối trên toàn thế giới. Trường học, bệnh viện....trên quần đảo Trường Sa nhằm mục đích duy nhất là cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân.